

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 31 THÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						212 095	75 199	180 944			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						107 645	17 422	90 223			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						35 128	17 422	17 706			
1		KDT HẢI PHÒNG	30/07	1125/07		BN 2158	CẨM 5A.1	1 538	1 533	5	30/07	PTCB	
2		THAN SÔNG HỒNG	28/07	977/06	31/07	BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040	366	674	DỖ	TD	GIA HẠN L2
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	27/07	1114/07		GOLDEN STAR	CẨM 6A.1	23 550	14 015	9 535	DỖ		
4		THAN MIỀN NAM	29/07	1124/07		VIỆT THUẬN 095-02	CẨM 5A.1	9 000	1 508	7 492	DỖ		
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						72 517		72 517			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cẩm 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CỎ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XỎ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
4		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
5		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
8		COALIMEX	01/07	1045-B/06	16/06	QN 7237	CẨM 5A.1	5 312		5 312		PTCB	GIA HẠN L1
9		THAN SÔNG HỒNG	20/07	1058/07	31/07	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
10		CROMIT CỎ THANH HÓA	26/06	764/04	30/06	HD 2266	Cẩm 4b.1	1 980		1 980		TD	
11		KDT BẮC THÁI	26/06	932/05	30/06	HD 1818	CẨM 1	1 981		1 981		TD	
12		KDT BẮC THÁI	26/06	934/05	30/06	BN 2033	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
13		CROMIT THANH HOÁ	30/06	944/05		NB 8927	CẨM 4B.1	3 020		3 020		TD	
14		KDT CẦU ĐUÔNG	15/07	945/05	31/07	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
15		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000			
16		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020			
17		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XỎ 1C	1 550		1 550		TD	
18		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CẨM 5A.1	8 750		8 750			
19		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CẨM 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
20		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
21		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CẨM 1	1 530		1 530		TD	
22		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cẩm 4b.1	1 200		1 200		TD	
23		KDT BẮC THÁI	29/07	1028/06	31/07	HD 2099	CẨM 1	1 980		1 980		TD	GIA HẠN L1
24		KDT BẮC THÁI	29/07	1029/06	31/07	BN 1869	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
25		KDT BẮC THÁI	29/07	1030/06	31/07	BN 2508	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 31 THÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
26		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CẨM 4A.1	4 000		4 000			
27		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CẨM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
28		KDT HÀ BẮC	30/06	1049/06		BN 0937	CẨM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	
29		CP HÀNG HẢI VN	02/07	1053/07	17/07	BN 1816	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
30		ĐT TMDV VINACOMIN	08/07	1071/07	23/07	BN 1879	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
31		THAN SÔNG HỒNG	11/07	1077/07	26/07	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
32		DV VT QUẢNG NINH	14/07	1081/07	31/07	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
33		THẮNG LỢI 6668	18/07	1092/07		THẮNG LỢI 6668	CẨM 6A.14	5 000		5 000			
34		ĐT TMDV VINACOMIN	27/07	1113/07		BN 2269	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
35		ĐẠM NINH BÌNH	27/07	1118/07		NB 8657	CẨM 4A.1	4 728		4 728			
36		XD CN MỎ	28/07	1122/07		BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
37		KDT HẢI PHÒNG	30/07	1126/07		BN 1916	CẨM 5A.1	1 440		1 440		PTCB	
38		KDT BẮC THÁI	30/07	1128/07		BN 1111	CẨM 1	1 986		1 986		TD	
39		KDT BẮC THÁI	30/07	1129/07		BN 2033	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	
40		KDT BẮC THÁI	30/07	1130/07		BN 2276	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
		Tàu chuyển tải						123 900	34 913	123 900			
		Tàu đang làm hàng						48 650	34 913	13 737			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	23/07	1103/07		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 5B.14	25 500	12 054	13 446	ĐỔ		TTHG: 13.000 - KDT CP:12.500
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	23/07	1102/07		HẢI NAM 88	CẨM 6A.10	23 150	22 859	291	ĐỔ		KDT CP:4.889,89 - CLM:11.027,9 - KVCP:6.896,23
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						75 250		75 250			
1		THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	4 500		4 500			
								4 100		4 100			
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	27/07	1115/07		VIỆT THUẬN 235-01	CẨM 5A.10	22 850		22 850			
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	27/05	1119/07		SUN GOLD	CẨM 6A.1	43 800		43 800			
		KHO G9-HÓA CHẤT						54 574	13 249	41 325			
		Tàu đã làm hàng						13 350	13 249	101			
1		XD CN MỎ	29/7	1 075	31/7	BN - 1883	CẨM 8A	1 300	1 283	17	30/7	TD	
2		XD CN MỎ	29/7	1 058	31/7	QN - 9379	CẨM 8A	1 900	1 878	22	30/7	TD	
3		HẢI PHÒNG	30/7	1 080	31/7	HD - 6818	CẨM 7B	1 850	1 843	7	30/7	PT CB	
4		CP ĐTTM&DV	30/7	1 125	31/7	BN - 2665	CẨM 8A	2 200	2 196	4	30/7	TD	
5		CTY CP SXKD KHOÁNG SẢN DỊCH VỤ CẢNG T	29/7	1 055	31/7	BN - 2646	CẨM 8A	1 175	1 162	13	30/7	TD	
6		NINH BÌNH	29/7	1 052	31/7	BN - 2398	CẨM 7B	1 945	1 930	15	30/7	PT CB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 31 THÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
7		HÀ BẮC	30/7	1 103	31/7	BN - 1388	CÁM 5B.1	1 980	1 959	21	30/7	PT CB	
8		COALIMEX	29/7	1 043	31/7	BN - 1386	CỤC 1A	1 000	1 000		30/7	TD	
		Tàu đã làm lệnh						41 224		41 224			
1		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
2		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	930		930		TD	
3		SÔNG HỒNG	03/7	90	17/7	BN - 2366	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
4		CP DVVT QNINH	03/7	91	17/7	BN - 2646	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	
5		CP ĐTTM&DV	04/7	109	17/4	BN - 0695	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
6		CẦU ĐUÔNG	06/7	215	21/7	BN - 2203	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
7		CP VT&KD THAN	07/7	248	22/7	BN - 0808	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	
8		CẦU ĐUÔNG	07/7	249	22/7	BN - 2006	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
9		XD CN MỎ	07/7	251	22/7	BN - 2128	CỤC 1B	1 280		1 280		TD	
10		CP ĐTTM&DV	10/7	336	24/7	BN - 1666	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
11		CP ĐTTM&DV	10/7	351	24/7	BN - 1135	CỤC 1B	910		910		TD	
12		HẢI PHÒNG	13/7	443	26/7	BN - 1856	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
13		CP VT&KD THAN	16/7	607	31/7	BN - 1816	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
14		CP DVVT QNINH	18/7	654	31/7	BN - 0979	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
15		CP ĐTTM&DV	24/7	823	31/7	NB - 6487	CÁM 8A	1 030		1 030		TD	
16		DIỆN PHẢ LAI	25/7	857	31/7	TD 88-3	CÁM 5B.14	2 368		2 368			
17		CP HÀNG HẢI VN	25/7	866	31/7	BN - 2633	CÁM 8A	1 837		1 837		TD	
18		SÔNG HỒNG	25/7	970/6	31/7	BN - 0766	CỤC 1A	1 030		1 030		TD	
19		HÀ NỘI	25/7	883	31/7	BN - 1808	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
20		SÔNG HỒNG	26/7	741/6	31/7	BN - 1746	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
21		CP DVVT QNINH	26/7	917	31/7	HD - 2558	CÁM 8A	1 200		1 200		TD	
22		CP HÀNG HẢI VN	28/7	996	31/7	BN - 2189	CÁM 8A	950		950		TD	
23		NINH BÌNH	29/7	1 050	31/7	TB 1450	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
24		CTY CP SXKD KHOÁNG SẢN DỊCH VỤ CẢNG T	29/7	1 056	31/7	BN - 1818	CÁM 8A	1 982		1 982		TD	
25		CP VT THUỶ	29/7	1 068	31/7	BN - 2123	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
26		COALIMEX	30/7	1 094	31/7	BN - 1829	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
27		SÔNG HỒNG	30/7	1 097	31/7	BN - 1626	CÁM 8A	917		917		TD	
28		COALIMEX	30/7	1 098	31/7	BN - 1296	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
29		COALIMEX	30/7	1 099	31/7	BN - 2388	CỤC 1C	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 31 THÁNG 07 NĂM 2025

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
30	CP DVVT QNINH	30/7	1 101	31/7	BN - 1809	CUC 1B	1 050		1 050		TD	
31	NINH BÌNH	30/7	1 102	31/7	QN - 8257	CÁM 7B	1 650		1 650		PT CB	
32	CP DVVT QNINH	30/7	1 122	31/7	BN - 2368	CÁM 8A	1 690		1 690		TD	
33	CÁU ĐUÔNG	30/7	1 123	31/7	BN - 0719	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
34	NINH BÌNH	30/7	1 133	31/7	NĐ - 3586	CÁM 7B	2 600		2 600		PT CB	
III	KHO BẢO NGUYỄN						-					
	Tàu đã làm hàng											
	Tàu đã làm lệnh											
IV	KHO CẢNG KM6						33 852	8 515	25 337			
	Tàu đã làm hàng						8 684	8 515	169			
1	THAN MIỀN NAM	23/7	784	31/7	HOÀNG ANH 39	Cục 1b	2 800	2 652	148	30/07	TD	
2	CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	29/7	1 065	31/7	TH 0686	Cám 5a.1	960	958	2	30/07	CBPT	
3	KDT MIỀN BẮC	29/7	1 066	31/7	HP 6093	Cám 6b.1	2 048	2 037	11	30/07	CBPT	
4	CBT QUẢNG NINH	30/7	1 079	31/7	QN 8848	Cám 6a.1	1 976	1 973	3	30/07	CBPT	
5	KDT HẢI PHÒNG	30/7	1 082	31/7	BN 2625	Cám 6a.1	900	894	6	30/07	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh						25 168		25 168			
1	VTT - VINACOMIN	25/7	869	31/7	BN 2023	Đon 8a	2 000		2 000		TD	
2	XDCN MỎ - CN TCT ĐÔNG BẮC	29/7	1 026	31/7	BN 1758	Cục 1b	1 100		1 100		TD	
3	CBT QUẢNG NINH	29/7	1 051	31/7	QN 8876	Cám 5b.1	1 986		1 986		CBPT	
4	KDT HẢI PHÒNG	30/7	1 081	31/7	BN 1589	Cám 6a.1	1 628		1 628		CBPT	
5	CROMIT CӨ THANH HÖA	30/7	1 100	31/7	QUANG TRUNG 79	Cám 5b.1	2 200		2 200		CBPT	
6	KDT HẢI PHÒNG	30/7	1 104	31/7	HD 7989	Cám 6a.1	1 850		1 850		CBPT	
7	ĐIỆN VĨNH TẤN 1 (GOLDEN STAR)	29/7	67	09/8	HD 3965	Cám 6a.1	5 500		5 500			
8	ĐIỆN VĨNH TẤN 1 (SUN GOLD)	30/7	70	10/8	SƠN HẢI 07	Cám 6a.1	2 294		2 294			
9	ĐIỆN VĨNH TẤN 1 (SUN GOLD)	30/7	71	10/8	SƠN HẢI 09	Cám 6a.1	3 420		3 420			
10	ĐIỆN VĨNH TẤN 1 (SUN GOLD)	30/7	72	10/8	CỬA ỚNG 02	Cám 6a.1	2 300		2 300			
11	VTT - VINACOMIN	30/7	1 124	31/7	BN 1839	Đon 8a	890		890		TD	
V	TÀU XUẤT KHẨU						10 000	1 100	8 900			
	Tàu đã làm hàng						10 000	1 100	8 900			
1	HẢI LAN		4322		MV NORD ALLEGRO	CỤC 4A.1	10 000	1 100	8 900	ĐỔ		KVCP:10.000
	Tàu đã làm lệnh											
VI	TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				-	-	-			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 31 THÁNG 07 NĂM 2025

[illegible]

|

|

|

